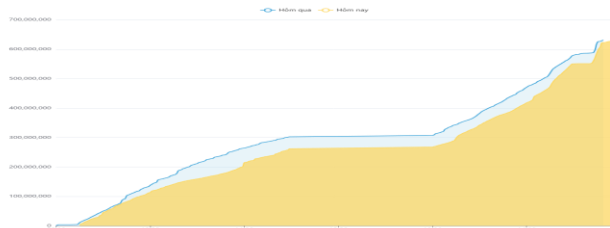


THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG

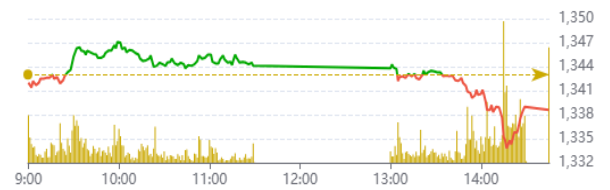
| | HSX | HNX |
|---------------------------|----------|--------|
| Giá đóng cửa | 1.268,86 | 228,18 |
| Thay đổi | -3,21 | -1,06 |
| Thay đổi % | -0,25% | -0,46% |
| KLGD (Triệu CP) | 599,2 | 55,1 |
| GTGD (Tỷ) | 15.286 | 1.104 |
| Độ rộng thị trường | | |
| <i>CP tăng giá</i> | 145 | 56 |
| <i>CP giảm giá</i> | 244 | 78 |
| <i>CP tham chiếu</i> | 76 | 73 |
| P/E | 13,28 | 16,36 |
| P/B | 1,69 | 1,44 |

Thanh khoản HSX



Chỉ số phái sinh

| Phái sinh | Đóng cửa | Thay đổi | Basis | OI |
|-----------|----------|----------|--------|--------|
| VN30 | 1.336,5 | 0,63 | -20,52 | 54.573 |
| VN30F1M | 1.357,0 | +1,5 | | |



Nguồn: Fireant

XU HƯỚNG DÒNG TIỀN

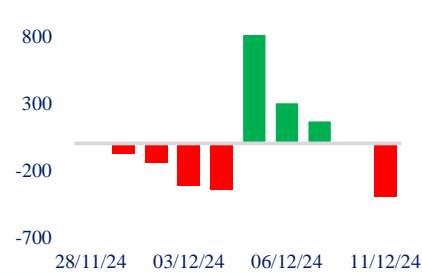
- VN-Index đóng cửa giảm 3,21 điểm (-0,25%) xuống 1.268,86 điểm. Áp lực bán liên tục xuất hiện đặc biệt vào phiên chiều khiến cho độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với 244 mã giảm và chỉ có 145 mã tăng.

- Tiếp tục là nhóm ngân hàng gây sức ép lên thị trường, dẫn đầu là VCB, LPB và BID,... Hầu hết các nhóm ngành đều giảm nhẹ dưới 0,5% như Bất động sản, chứng khoán, ngân hàng,... Chỉ có một vài nhóm ngành như bán lẻ, dầu khí bị giảm mạnh trong đó có MWG, VRE, POW,...

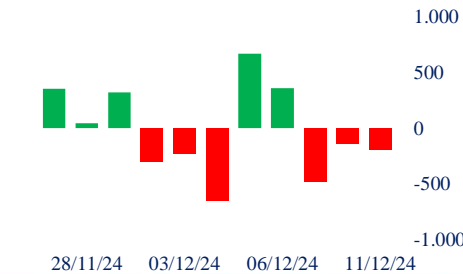
- Dòng tiền chuyển sang bắt đáy ở những cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ như thép (TLH, SMC), ngân hàng (OCB, SHB), bất động sản (CRE, HTN)

- Khối ngoại duy trì đà bán ròng với giá trị cao hơn phiên trước đạt hơn 195 tỷ và tập trung vào các mã như MWG, VRE

Giao dịch tự doanh 10 phiên HSX



Giao dịch nước ngoài 10 phiên HSX



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index hình thành cây nến giảm điểm và tiếp tục xuất hiện râu nến. Tuy nhiên, lực cầu xuất hiện tại vùng 1.26x đã cho thấy sự hỗ trợ vững chắc từ nhà đầu tư, đặc biệt là tại những mức giá thấp. Điều này cho thấy khả năng duy trì động lực tăng trưởng trong thời gian tới nếu chỉ số có thể giữ vững mức hỗ trợ này. Tuy có sự điều chỉnh nhẹ, nhưng với khối lượng giao dịch ổn định, VN-Index vẫn duy trì xu hướng tích lũy và có khả năng quay lại vùng 1.280-1.290 điểm trong ngắn hạn, nếu lực cầu tiếp tục gia tăng.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Nhà đầu tư có thể nâng tỷ trọng với những cổ phiếu khỏe, vẫn giữ được nền giá thuộc các nhóm như ngân hàng, chứng khoán, bán lẻ...

- Kịch bản 1 (50%): Thị trường tiếp tục hướng lên vùng 1.280 điểm khi lực cầu quay trở lại.

- Kịch bản 2 (50%): VN-Index tích lũy quanh vùng 1.260 - 1.270 điểm trước khi hướng lên những vùng điểm số cao hơn.

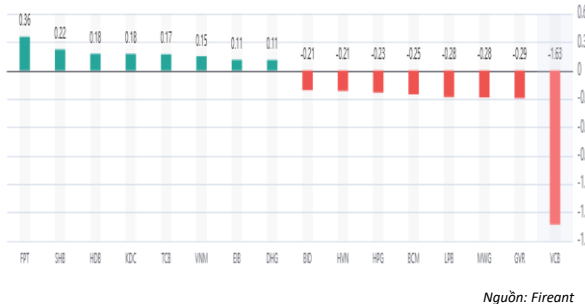
Danh mục khuyến nghị mới

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | Loại khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|------------------|
| 1 | MWG | 60 | 60,3 | 05/12/2024 | 70 | 56 | Mua |

Tăng giảm nhóm ngành

| Ngành | Ngày | Tháng |
|-----------------------------|--------|--------|
| Dầu khí | -0,92% | 0,02% |
| Hóa chất | -0,58% | -1,39% |
| Tài nguyên Cơ bản | -0,48% | -0,39% |
| Xây dựng và Vật liệu | -0,34% | -0,15% |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -0,38% | 3,33% |
| Ô tô và phụ tùng | 0,32% | -0,95% |
| Thực phẩm và đồ uống | 0,19% | 1,27% |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -0,30% | 4,56% |
| Y tế | 0,98% | 5,87% |
| Bán lẻ | -1,02% | -2,20% |
| Truyền thông | 4,02% | 22,97% |
| Du lịch và Giải trí | -0,53% | 2,38% |
| Điện, nước & xăng dầu khí đ | -0,56% | 0,33% |
| Ngân hàng | -0,25% | 2,38% |
| Bảo hiểm | -0,70% | 13,47% |
| Bất động sản | -0,24% | 1,45% |
| Dịch vụ tài chính | -0,28% | -0,28% |
| Công nghệ Thông tin | 0,67% | 8,74% |

Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số



Nguồn: Fireant

Top NN mua ròng HSX

| Mã | Đóng cửa | Thay đổi | KLGD |
|-----|----------|--------------|------------|
| FPT | 150,5 | 1,00 / 0,67% | 9.278.042 |
| TCB | 24,15 | 0,10 / 0,42% | 10.644.544 |
| HDG | 30,85 | 0,20 / 0,65% | 4.663.733 |
| HDB | 23,6 | 0,27 / 1,15% | 21.159.253 |
| CTG | 36,35 | 0,00 / 0,00% | 4.506.818 |

Top NN bán ròng HSX

| Mã | Đóng cửa | Thay đổi | KLGD |
|-----|----------|----------------|------------|
| VRE | 17,35 | -0,20 / -1,14% | 10.854.311 |
| MWG | 60 | -0,80 / -1,32% | 5.071.524 |
| PVD | 23,75 | -0,15 / -0,63% | 3.296.861 |
| DGC | 116,5 | 0,30 / 0,26% | 2.707.251 |
| MSN | 72,7 | 0,00 / 0,00% | 2.860.266 |

Giao dịch cổ đông lớn và nội bộ

| Mã | Tên | Vị trí | Ngày | Đăng ký | Khối lượng |
|--------|-----------------------------|--------|------------|---------|------------|
| FUEVFI | Chứng khoán HSC | --- | 11/12/2024 | Bán | 0 |
| E1VFVN | Chứng khoán HSC | --- | 11/12/2024 | Bán | 0 |
| DBD | KWE Beteiligungen AG | --- | 10/12/2024 | Bán | 0 |
| GMD | KIM Vietnam Growth Equity F | --- | 10/12/2024 | Bán | 0 |
| PPC | Ree Energy | --- | 10/12/2024 | Bán | 250.000 |

TIN TỨC

Trong nước

[Doanh số bán ô tô tại Việt Nam tháng 11 tăng 14%](#)

[Tháng 11: Xuất nhập khẩu đạt 66,39 tỷ USD, tăng 9% so với](#)

[Ngành công nghiệp ô tô đối mặt với áp lực nếu Mỹ tăng thuế](#)

Doanh nghiệp

[PVS: Ước lãi 1.100 tỷ đồng trong năm 2024](#)

[SMC: Khó khăn búa vẩy,](#)

[Hoa Sen tìm kiếm đối tác hợp tác phát triển](#)

TIN TỨC

Thế giới

[Xuất khẩu than thế giới đạt mức cao kỷ lục vào năm 2024](#)

[Tín hiệu chính sách tích cực từ Trung Quốc nâng đỡ thị trường d](#)

[Hậu quả kinh tế của việc trì hoãn luân tội Tổng thống Hàn Quốc](#)

Hàng hóa

[Ả Rập Xê-út tăng khai thác khoáng sản, giảm phụ thuộc vào dầu](#)

[Động thái của Trung Quốc đẩy giá vàng thế giới tăng mạnh](#)

[Giá vàng neo gần mức cao nhất 2 tuần tại châu Á](#)

Top 10 khối lượng giao dịch HSX

| | Khối lượng giao dịch | Thay đổi |
|----|----------------------|---------------------|
| 1 | SHB | 44.093.164 / 2,42% |
| 2 | VIB | 29.028.011 / -0,78% |
| 3 | VPB | 27.964.710 / 0,00% |
| 4 | HDB | 21.159.253 / 1,15% |
| 5 | EIB | 19.829.256 / 1,32% |
| 6 | HPG | 17.585.162 / -0,54% |
| 7 | ORS | 17.248.243 / -3,23% |
| 8 | VIX | 13.185.054 / -0,49% |
| 9 | SSI | 12.567.700 / -0,38% |
| 10 | STB | 11.093.036 / 0,45% |

Giá hàng hóa

| | Đóng cửa | Thay đổi | % |
|--------------|----------|----------|--------|
| Vàng | 2462,8 | ## | -0,02% |
| Bạc | 27,52 | ## | -0,29% |
| Đồng | 4,0395 | ## | 2,03% |
| Dầu thô | 0,14 | ## | -0,68% |
| Dầu Brent | 79,25 | ## | 0,11% |
| Khí Tự nhiên | 2,172 | ## | 2,12% |
| Khí đốt | 2,3624 | ## | 0,20% |
| Đường | 18,61 | ## | 0,22% |
| Heo nạc | 73,55 | ## | -1,37% |
| Cà phê | 237,5 | ## | -0,77% |

Tỷ giá hối đoái

| | Thay đổi | Tỷ giá NHNN | |
|---------|----------------|-------------|--------|
| | | Mua | Bán |
| USD/VND | 25135 / -0,02% | USD 23.400 | 25.450 |
| EUR/VND | 26027 / -0,14% | EUR 24.260 | 26.814 |
| GBP/VND | 31577 / 0,23% | GBP 29.433 | 32.531 |
| USD/VND | 161,00 / 0,00% | JPY 152 | 168 |
| AUD/VND | 28020 / -0,36% | CHF 26.089 | 28.835 |

Định giá thị trường



Danh mục khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | MWG | 60 | 60,3 | 05/12/2024 | 70 | 56 | -0,5% | Nắm giữ |

Danh mục khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | VHC | 74,1 | 70 | 27/02/2024 | 83,8 | 69 | 5,9% | Nắm giữ |
| 2 | FMC | 48,1 | 48,3 | 27/02/2024 | 53,7 | 45 | -0,4% | Nắm giữ |
| 3 | HPG | 27,75 | 26,5 | 08/10/2024 | 34 | 25 | 4,7% | Mua mới |
| 4 | TCB | 24,1 | 21,85 | 20/08/2024 | 26,2 | 20,8 | 10,3% | Nắm giữ |
| 5 | TCM | 47,5 | 45 | 12/09/2024 | 55 | 42 | 5,6% | Nắm giữ |
| 6 | PNJ | 96,8 | 98,6 | 17/09/2024 | 117,6 | 92 | -1,8% | Nắm giữ |
| 7 | CTG | 36,35 | 35 | 19/09/2024 | 40 | 33 | 3,9% | Nắm giữ |
| 8 | KDH | 34,5 | 33 | 18/10/2024 | 38,5 | 31 | 4,5% | Nắm giữ |

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | DXG | 16,2 | 16,7 | 02/10/2024 | 19,5 | 15,9 | -3,0% | Bán |
| 2 | MWG | 65,2 | 68,5 | 25/09/2024 | 80 | 65,0 | -4,8% | Cắt lỗ |
| 3 | MBS | 28,8 | 31,3 | 22/10/2024 | 35 | 27,0 | -8,0% | Cắt lỗ |
| 4 | VPB | 19,7 | 18,5 | 08/11/2024 | 20 | 17 | 6,5% | Chốt lời |
| 5 | VTP | 119 | 81,8 | 20/11/2024 | 93 | 73,0 | 45,5% | Chốt lời |

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | MBB | 22,6 | 18 | 22/04/2024 | 27 | 16 | 25,6% | Chốt lời |
| 2 | KBC | 28 | 31,1 | 19/04/2024 | 41 | 28 | -10% | Cắt lỗ |
| 3 | GMD | 82 | 69 | 24/06/2024 | 84 | 67 | 18,8% | Chốt lời |
| 4 | PVS | 40,6 | 37 | 19/04/2024 | 41 | 28 | 10% | Chốt lời |
| 5 | FRT | 181,9 | 100 | 10/07/2024 | 177 | 95 | 81,9% | Chốt lời |
| 6 | HPG | 25,45 | 25,3 | 06/02/2024 | 32 | 26,5 | 0,6% | Bán |
| 7 | PVD | 26,7 | 29,75 | 26/04/2024 | 38 | 26,5 | -10,3% | Cắt lỗ |
| 8 | REE | 65 | 69,9 | 10/09/2024 | 79 | 65,5 | -7,0% | Cắt lỗ |
| 9 | HAH | 39,6 | 42 | 10/09/2024 | 48 | 40 | -5,7% | Cắt lỗ |
| 10 | PNJ | 99 | 108 | 10/09/2024 | 127 | 101 | -8,3% | Cắt lỗ |
| 11 | VGT | 14 | 15,3 | 10/09/2024 | 17,5 | 14,4 | -8,5% | Cắt lỗ |
| 12 | IDC | 58,5 | 61,8 | 27/09/2024 | 66 | 58,5 | -5,3% | Cắt lỗ |
| 13 | DPR | 37,3 | 40 | 18/11/2024 | 48 | 38 | -6,8% | Cắt lỗ |
| 14 | NLG | 37 | 41,5 | 18/11/2024 | 47,3 | 39,6 | -10,8% | Cắt lỗ |

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

| Hệ thống khuyến nghị | Diễn giải |
|----------------------|--|
| MUA | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên |
| THEO DÕI | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15% |
| NẮM GIỮ | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5% |
| BÁN | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5% |

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)**Hội sở Hồ Chí Minh**

Lầu 1 117 - 119 - 121 Nguyễn Du P, Bến Thành Q, 1 Thành phố HCM
Điện thoại: (84-8) 62556586 Fax: (84-8) 62556580
Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 39288222 Fax: (84-4) 39338222

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

| | |
|-------------------|--|
| Nguyễn Minh Hoàng | Giám đốc phòng phân tích hoang.nguyenminh@vfs.com.vn |
| Nguyễn Hoàng Long | Chuyên viên phân tích long.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Thị Mai | Chuyên viên phân tích mai.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Thị Huyền | Chuyên viên phân tích huyen.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Anh Quân | Chuyên viên phân tích quan.nguyen@vfs.com.vn |